

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 889 /LTT-ĐT
Về việc cam kết đảm bảo các điều kiện
về cơ sở vật chất, thiết bị, nhà giáo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi Công văn đăng ký bổ sung hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 766/LTT-ĐKBSHĐ và Báo cáo Đăng ký bổ sung hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 774/BC-LTT.

Nay Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh cam kết về các nội dung nhằm hoàn thiện hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động Giáo dục nghề nghiệp như sau:

1. Về cơ sở vật chất

a) Hiện nay, Nhà trường đã được cấp quy mô là 1.545 sinh viên trình độ cao đẳng (thời gian đào tạo 02 năm) và 1.270 học sinh trình độ trung cấp (thời gian đào tạo 01 năm) theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 41/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 08/5/2018. Như vậy, tổng lưu lượng học sinh, sinh viên Nhà trường được cấp theo Giấy chứng nhận số 41/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN là 4.360 học sinh, sinh viên. Đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp về diện tích bình quân dùng cho học tập, giảng dạy/chỗ học, Nhà trường cần có diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập tối thiểu là 23.980m²

b) Trường có khuôn viên với tổng diện tích: 50.646,6 m². Tổng diện tích phòng học lý thuyết và phòng học thực hành là 28.274,6m², trong đó: phòng học lý thuyết là 87 phòng với diện tích 7.233,6 m², có 03 giảng đường lớn với tổng diện tích là 960 m²; Phòng thực hành có 99 phòng với diện tích 10.040,5 m², bao gồm 79 xưởng thực hành diện tích 8.490,5 m², 17 phòng học thực hành tin học với diện tích 1.205 m², 02 phòng học ngoại ngữ diện tích 135 m², 01 phòng thí nghiệm diện tích 210 m².

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 09/2017/TT-2017/TT-BLĐTBXH, Nhà trường dự kiến bố trí giảng dạy tối đa 03 ca/ngày: Buổi sáng (07h-12h); Buổi chiều (12h30-17h30); Buổi tối (18h-21h15). Như vậy, điều kiện về cơ sở vật chất tối đa (về khu học lý thuyết, thực hành) của Nhà trường là 28.274,6m² x 3= 84.823,8m², đáp ứng quy mô tuyển sinh/năm được cấp trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 41/2018/GCNĐKHHĐ-TCGDNN. Đồng thời, Nhà trường còn năng lực về cơ sở vật chất để thực hiện đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Về thiết bị, dụng cụ đào tạo

Nhà trường cam kết toàn bộ thiết bị, dụng cụ đào tạo trong báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Nhà trường.

3. Về đội ngũ nhà giáo

Đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường còn thiếu hồ sơ minh chứng về nghiệp vụ sư phạm của 96 nhà giáo; hồ sơ minh chứng về trình độ ngoại ngữ của 200 nhà giáo và hồ sơ minh chứng về trình độ tin học của 242 nhà giáo (*Có danh sách chi tiết kèm theo*). Lý do: Thời điểm hiện tại giảng viên đang nghỉ hè nên việc tổng hợp chứng chỉ sư phạm, ngoại ngữ, tin học chưa được đầy đủ theo quy định.

Nhà trường cam kết đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, đạt về tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm theo quy định và xin bổ sung đầy đủ trước ngày 30/10/2018 về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Nhà trường cam kết đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, nhà giáo đáp ứng điều kiện tổ chức đào tạo đối với các ngành, nghề đăng ký bổ sung. Nếu Nhà trường không thực hiện theo đúng các nội dung cam kết nêu trên, nhà trường hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nếu có vi phạm, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có thể xem xét, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp cho Nhà trường.

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh rất mong được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chấp thuận cho đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, phòng TS-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**DANH SÁCH THỐNG KÊ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ
NHÀ GIÁO ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
01	Trương Hữu Lộc	Đại học	Công nghệ thông tin	X		X	
02	Nguyễn Tâm Thanh Tùng	Thạc sĩ	Khoa học máy tính		X	X	
03	Mai Thế Hùng	Đại học	Toán tin	X		X	
04	Lương Minh Dũng	Đại học	Công nghệ thông tin			X	
05	Đào Thị Lương	Thạc sĩ	hệ thống thông tin		X	X	
06	Hồ Ngọc Thanh	Đại học	Kỹ sư máy tính	X		X	
07	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Đại học	Công nghệ thông tin	X		X	
08	Ninh Đỗ Hiệp	Đại học	KS công nghệ thông tin			X	
09	Nguyễn Bá Lộc	Đại học	KS công nghệ thông tin	X		X	
10	Võ Hoàng Anh Trí	Đại học	KS công nghệ thông tin	X		X	
11	Lương Thái Hiền	Đại học	KS công nghệ thông tin	X		X	
12	Thái Thị My Sa	Đại học	SP tin học	X		X	
13	Phùng Nguyễn Thanh Phong	Đại học	KS tin học	X		X	
14	Trịnh Hồng Thuyên	Đại học	Công nghệ thông tin	X		X	

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
15	Nguyễn Xuân Lợi	Đại học	Công nghệ thông tin			X	
16	Dương Đình Dũng	Thạc sĩ	Khoa học máy tính			X	
17	Bùi Minh Hải	Đại học	Tin học	X		X	
18	Hà Thị Hậu	Đại học	Khoa học thư viện; CD Thư viện thông tin			X	
19	Nguyễn Thị Trang	Đại học	Thư viện - Thông tin			X	
20	Lê Viết Duy Anh	Đại học	Khoa học máy tính	X		X	
21	Trần Quốc Định	Đại học	Công nghệ thông tin			X	
22	Lê Hải Tuấn	Đại học	Công nghệ thông tin	X		X	
23	Nguyễn Đức Thịnh	Đại học	Công nghệ thông tin	X		X	
24	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Đại học	Công nghệ thông tin	X		X	
25	Huỳnh Quốc Dũng						
26	Huỳnh Trị An	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	X	X		
27	Ngô Phương Loan	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	X	X		
28	Trần Quốc Hùng	Thạc sĩ	Kế toán	X	X		
29	Dương Thị Kim Nhung	Thạc sĩ	Kinh tế	X	X		
30	Lê Bảo Linh	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	X	X		
31	Đoàn Thanh Hiếu Nghĩa	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		X		
32	Hồ Thị Ái Liên	Thạc sĩ	Kinh tế	X			

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
33	Nguyễn Thanh Miện	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	X	X		
34	Lương Hoàng Khắc	Đại học	KS cơ khí chế tạo máy	X			
35	Cao Văn Đăng	Đại học	KS cơ khí chế tạo máy	X			
36	Trần Hoàng Phong	Đại học	KS cơ khí chế tạo máy	X			
37	Huỳnh Thanh Tâm	Đại học	KS cơ khí chế tạo máy	X			
38	Hoàng Xuân Minh	Đại học	KS cơ khí chế tạo máy	X			
39	Nguyễn Hải Sơn	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
40	Hoàng Công Quốc Khánh	Đại học	KS cơ khí chế tạo máy	X			
41	Huỳnh Trung Dũng	Đại học	KS cơ khí chế tạo máy	X			
42	Nguyễn Lương Tâm	Đại học	KS cơ khí				
43	Tăng Tấn Minh	Thạc sĩ	Máy xây dựng - xếp dỡ		X		
44	Nguyễn Tấn Lực	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X	X		
45	Đỗ Hoàng Duy	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		X		
46	Nguyễn Xuân Hảo	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
47	Võ Xuân Thi	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	X			
48	Hồ Quang Trưởng	Đại học	Kỹ thuật cơ khí	X			
49	Nguyễn Văn Thọ	Đại học	KS chế tạo máy	X			
50	Ung Thanh Vũ	Đại học	KS chế tạo máy	X			

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
51	Nguyễn Văn Phước	Đại học	KS chế tạo máy	X			
52	Lê Phú Cường	Đại học	KS chế tạo máy	X			
53	Lê Hoàng Di	Đại học	KS chế tạo máy	X			
54	Bùi Chấn Thanh	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
55	Hồ Ngọc Thế Quang	Đại học	KS chế tạo máy	X			
56	Nguyễn Văn Buốt	Đại học	KS chế tạo máy	X			
57	Lê Minh Triết	Đại học	KS chế tạo máy	X			
58	Lưu Hoàng Sáng	Đại học	KS chế tạo máy	X			
59	Lê Minh Hiền	Đại học	KS chế tạo máy	X			
60	Nguyễn Thanh Phong						
61	Vũ Đình Chi	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí		X		
62	Mai Xuân Điều	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	X	X		
63	Hoàng Ngọc Dương	Đại học	Cơ khí chuyên dùng				
64	Nguyễn Kim Hiền	Thạc sĩ	Kỹ thuật		X		
65	Trần Xuân Sỹ	Thạc sĩ	Kỹ thuật				
66	Nguyễn Hữu Hôn	Thạc sĩ	Kỹ thuật và thiết bị		X		
67	Lê Thái Dương	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
68	Trần Quốc Vụ	Tiến sĩ	Kỹ thuật				

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
69	Nguyễn Thanh Bích	Đại học	Công nghệ chế tạo máy	X			
70	Nguyễn Khắc Huy	Đại học	Công nghệ chế tạo máy				
71	Hà Phương	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X	X		
72	Nguyễn Văn Bảy	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	X			
73	Hà Phước Tuấn	Đại học	KS chế tạo máy	X			
74	Võ Văn Cương	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
75	Nguyễn Văn Bộ	Đại học	Ô tô máy kéo	X			
76	Thái Hồng Kỳ	Đại học	Cơ khí chuyên dùng				
77	Nguyễn Trường Giang	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí	X	X		
78	Dương Tiến Đoàn	Thạc sĩ	Kỹ thuật		X		
79	Tô Huy Lượng	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
80	Nguyễn Văn Đại	Đại học	Công nghệ ô tô	X			
81	Võ Văn Quốc	Đại học	Cơ khí động lực	X			
82	Trần Thế Sơn	Đại học	Công nghệ ô tô				
83	Trần Duy Sur	Đại học	Ô tô máy kéo	X			
84	Đặng Tiến Phúc	Tiến sĩ	Kỹ thuật ô tô	X	X		
85	Huỳnh Thanh Công	Đại học	Cơ khí	X			
86	Kao Hoàng Việt Hưng	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X	X		

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
87	Nguyễn Văn Tuấn Anh	Đại học	Công nghệ ô tô	X			
88	Phạm Hồng Thao	Thạc sĩ	cơ khí	X			
89	Nguyễn Anh Tuấn						
90	Nguyễn Xuân Hà	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
91	Nguyễn Trọng Thuật	Đại học	Cơ khí động lực	X			
92	Đỗ Kim Hoàng	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X	X		
93	Lưu Thanh Hiền	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	X			
94	Phạm Trường Giang	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X	X		
95	Nguyễn Minh Kiệt	Đại học	Cơ khí động lực	X			
96	Quảng Minh Đăng	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X	X		
97	Nguyễn Hùng Việt	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X	X		
98	Phạm Minh Đẩu	Đại học	Cơ khí động lực	X			
99	Đặng Chí Nguyên	Đại học	Cơ khí động lực	X			
100	Trần Bá Duy	Đại học	Công nghệ ô tô				
101	Trần Văn Đông	Thạc sĩ	Cơ khí động lực		X		
102	Nguyễn Thanh Đức	Đại học	Công nghệ ô tô	X			
103	Trần Huy Vũ	Đại học	Cơ khí động lực	X			
104	Trần Thế Anh	Đại học	Cơ khí động lực	X			

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
105	Tổng Xuân Điệp	Đại học	Cơ khí động lực	X			
106	Dương Tuấn Hải	Đại học	Cơ khí động lực	X			
107	Phạm Đắc Phúc	Đại học	Cơ khí ô tô	X			
108	Nguyễn Đắc Khánh Hưng	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X	X		
109	Đỗ Tấn Thích	Đại học	Công nghệ ô tô				
110	Đoàn Nguyễn Minh Trung	Đại học	Công nghệ ô tô				
111	Đinh Quốc Trí	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
112	Nguyễn Thanh Tùng	Đại học	Công nghệ ô tô	X			
113	Trần Văn Sơn	Đại học	KT ô tô - máy động lực	X			
114	Lâm Đình Thuận	Đại học	Cơ khí động lực	X			
115	Phan Văn Tuấn	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X	X		
116	Nguyễn Hoàng Thái Hải	Đại học	Cơ khí động lực	X			
117	Nguyễn Trường Lĩnh	Đại học	Cơ khí động lực	X			
118	Lê Khánh Tân	Thạc sĩ	Cơ khí động lực		X		
119	Đỗ Quốc Âm	Thạc sĩ	Kỹ thuật				
120	Đinh Trần Ngọc	Thạc sĩ	Cơ khí động lực		X		
121	Nguyễn Minh Nhựt	Đại học	Công nghệ ô tô				
122	Huỳnh Thịnh	Thạc sĩ	Cơ khí động lực		X		

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
123	Nguyễn Trọng Thức	Thạc sĩ	Kỹ thuật				
124	Vi Văn Thành	Đại học	Kỹ thuật công nghiệp	X			
125	Trần Xuân Sỹ	Thạc sĩ	Kỹ thuật	X			
126	Lê Văn Cường	Tiến sĩ	Kỹ thuật	X			
127	Nguyễn Kim Hiền						
128	Phạm Đức Thắng	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		X		
129	Trần Trung Thành	Đại học	Kỹ thuật cơ khí động lực				
130	Phạm Ngọc Đăng Khoa	Đại học	Kỹ thuật cơ khí động lực	X			
131	Nguyễn Khắc Huân	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực				
132	Nguyễn Thiên Hà	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		X		
133	Lê Huy Soạn	Thạc sĩ	KT xe máy quân sự, công binh				
134	Bùi Quang Cảnh	Thạc sĩ	KT xe máy quân sự, công binh		X		
135	Nguyễn Văn Ngọc	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		X		
136	Nguyễn Văn Hùng	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		X		
137	Lê Ngọc Viện	Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		X		
138	Nguyễn Hữu Hậu	Đại học	Công nghệ ô tô				
139	Trương Mạnh Hùng	Tiến sĩ	Kỹ thuật cơ khí động lực		X		
140	Lâm Bá Kha	Thạc sĩ	Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo				

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
141	Nguyễn Minh Hoàng	Đại học	Cơ khí động lực	X			
142	Hoàng Anh Tuấn	Đại học	Cơ khí động lực				
143	Nguyễn Thành Nhân	Thạc sĩ	Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo	X			
144	Trần Nguyên Gia Long	Đại học	Công nghệ ô tô				
145	Lý Văn Trung	Thạc sĩ	Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo	X			
146	Nguyễn Quang Trưởng	Thạc sĩ	Khai thác và bảo trì ô tô máy kéo	X			
147	Lương Văn Vạn	Đại học	Cơ khí động lực	X			
148	Trần Anh Nam	Thạc sĩ	Cơ khí động lực		X		
149	Nguyễn Văn Chấn	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X			
150	Nguyễn Trường Lực	Đại học	Cơ khí động lực	X			
151	Lê Văn Thương	Đại học	Cơ khí động lực				
152	Trần Trung Thành						
153	Huỳnh Thanh Bảnh	Đại học	Cơ khí động lực	X			
154	Nguyễn Đình Trọng	Đại học	Công nghệ ô tô				
155	Hà Quốc Lịch	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X	X		
156	Nguyễn Thái Hùng	Đại học	KT cơ khí	X	X		
157	Nguyễn Ngọc Lễ	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X	X		
158	Nguyễn Hữu Vinh	Đại học	Cơ khí động lực	X			

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
159	Nguyễn Chí Hiếu	Đại học	Cơ khí động lực	X			
160	Vũ Gia Hiếu	Đại học	Công nghệ ô tô				
161	Đoàn Thanh Sơn	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X	X		
162	Phạm Đỗ Sơn Hà	Đại học	Cơ khí động lực	X			
163	Nguyễn Đỗ Minh Triết	Thạc sĩ	Cơ khí động lực		X		
164	Nguyễn Đình Vỹ	Đại học	Cơ khí động lực	X			
165	Phạm Quang Châu	Đại học	Cơ khí động lực	X			
166	Châu Công Hậu	Đại học	Công nghệ ô tô	X			
167	Ngô Văn Hợp	Thạc sĩ	Cơ khí động lực	X			
168	Trần Hồng Tinh	Đại học	Cơ khí động lực	X			
169	Đoàn Minh Chánh	Đại học	Cơ khí động lực	X			
170	Cao Thành Tiến	Đại học	Cơ khí động lực				
171	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí						
172	Nguyễn Minh Hạ	Đại học	Công nghệ nhiệt lạnh				
173	Nguyễn Thanh Dũng	Thạc sĩ	KT nhiệt lạnh	X	X		
174	Đặng Thanh Dũng	Đại học	KT nhiệt lạnh	X			
175	Nguyễn Bửu Phạm Nhật Tân	Thạc sĩ	KT nhiệt lạnh	X			
176	Nguyễn Văn Quyết	Thạc sĩ	Công nghệ nhiệt lạnh	X	X		

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
177	Nguyễn Hiếu Trung	Đại học	KT nhiệt lạnh	X			
178	Lê Xuân Phong	Thạc sĩ	KT nhiệt lạnh	X	X		
179	Lê Trần Nhật Huy	Đại học	KT nhiệt lạnh	X			
180	Nguyễn Minh Tùng	Đại học	KT nhiệt lạnh	X			
181	Nguyễn Hoài An	Đại học	Công nghệ chế biến thủy sản	X			
182	Nguyễn Văn Luông	Đại học	Điện - Điện tử	X			
183	Nguyễn Tiến Cảnh	Thạc sĩ	KT nhiệt lạnh	X	X		
184	Dương Hùng Huy	Đại học	KT nhiệt lạnh	X			
185	Đỗ Hồng Sơn	Đại học	KT nhiệt lạnh	X			
186	Trần Đình Anh Tuấn	Đại học	Công nghệ chế biến thủy sản	X			
187	Nguyễn Phúc Anh	Thạc sĩ	KT điều khiển và tự động hóa	X	X		
188	Lê Đình Nhật Hoài	Thạc sĩ	KT nhiệt lạnh	X	X		
189	Đinh Công Bình	Đại học	KT nhiệt lạnh	X			
190	Trần Nam Anh	Đại học	KT điện - điện tử	X			
191	Cao Văn Tuấn	Thạc sĩ	Kỹ thuật điện	X	X		
192	Lê Xuân Thiện	Đại học	Điện - điện tử				
193	Lê Hồng Anh Tuấn	Đại học	Điện - điện tử	X			
194	Nguyễn Cao Thắng	Đại học	Điện - điện tử				



TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
195	Đặng Dương Huy	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
196	Hồ Đăng Khoa	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
197	Lê Trọng Tính	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
198	Nguyễn Ngọc Năng	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
199	Lăng Văn Minh	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
200	Phan Văn Thanh	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
201	Võ Đăng Hoàng	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
202	Lê Trí Khanh	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
203	Hoàng Văn Lượng	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
204	Nguyễn Hữu Hùng	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
205	Lê Thanh Quân	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
206	Nguyễn Võ Trường Thanh	Đại học	KT điện tử - truyền thông				
207	Nguyễn Tiến Việt Dũng	Đại học	Kỹ thuật điện và điện tử				
208	Nguyễn Văn Chiến	Đại học	Điện tử viễn thông				
209	Trần Vĩnh Duy	Đại học	Điện khí hóa & cung cấp điện	X			
210	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sỹ	Kỹ thuật điện	X	X		
211	Nguyễn Quân	Thạc sỹ	Kỹ thuật điện	X	X		
212	Phạm Khắc Vũ Huy	Thạc sỹ	Kỹ thuật điện	X			

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
213	Dương Minh Huy	Đại học	Công nghệ điện tử				
214	Nguyễn Viết Hùng	Đại học	Công nghệ điện tử				
215	Nguyễn Thanh Tùng	Đại học	Công nghệ điện tử				
216	Trần Văn An	Đại học	Công nghệ điện tử				
217	Nguyễn Thị Thủy	Đại học	Công nghệ điện tử				
218	Lê Ngọc Hùng	Đại học	Kỹ thuật điện tử, truyền thông				
219	Lê Hoàng Kim Nhật Thành	Đại học	Kỹ thuật điện tử, truyền thông				
220	Phan Văn Khoa	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
221	Trương Văn Sang	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
222	K'Dam Cao Tường	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
223	Trịnh Xuân Lâm	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
224	Nguyễn Minh Đức	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
225	Trần Phú Thứ	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
226	Nguyễn Văn Nghiên	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
227	Nguyễn Trung Cường	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
228	Trịnh Công Sơn	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
229	Nguyễn Công Ý	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
230	Trịnh Xuân Cường	Đại học	KT điện tử, truyền thông				

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
231	Lê Minh Tý	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
232	Võ Minh Phương	Đại học	KT điện, điện tử	X			
233	Lương Xuân Thịnh	Đại học	KT điện, điện tử				
234	Phan Đức Long	Đại học	KT điện, điện tử	X			
235	Nguyễn Văn Nghi	Đại học	Điện tử - Viễn thông		X		
236	Cao Thị Xuân Thùy	Thạc sỹ	KT điện	X	X		
237	Đinh Văn Chuyên	Thạc sỹ	KT điều khiển và TĐH	X	X		
238	Nguyễn Thống Nhứt	Đại học	Điện khí hóa và cung cấp điện	X			
239	Trần Thanh Nhi	Đại học	Điện khí hóa và cung cấp điện	X			
240	Lê Thị Hạnh	Đại học	KT điện - điện tử	X			
241	Phạm Thị Hòa	Thạc sỹ	Tự động hóa	X	X		
242	Phạm Quốc Hùng	Đại học	Điện khí hóa và cung cấp điện	X			
243	Huỳnh Thị Kim Ngọc	Đại học	KT điện - điện tử	X			
244	Ngô Ngọc Nam	Đại học	KT điện - điện tử	X			
245	Nguyễn Ngọc Trí	Đại học	KT điện - điện tử	X			
246	Nguyễn Như Quỳnh	Thạc sỹ	KT điện	X	X		
247	Mã Minh Phú	Đại học	Điện khí hóa và cung cấp điện	X			
248	Lê Thành Hưng	Thạc sỹ	Điều khiển và TĐH	X	X		

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
249	Lâm Ngọc Thuận	Đại học	Điện khí hóa & cung cấp điện	X			
250	Lê Phú Vang	Đại học	Điện khí hóa & cung cấp điện				
251	Nguyễn Trung Nhân	Đại học	KT điện	X			
252	Huỳnh Tấn Phi	Đại học	Truyền động điện và TĐH	X			
253	Nguyễn Văn Út Hết	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
254	Nguyễn Gia Minh Phụng	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
255	Trần Thanh Tâm	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
256	Trần Trung Quang	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
257	Lê Duy	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
258	Nguyễn Đình Giáp	Đại học	KT điện tử, truyền thông				
259	Võ Thị Xuân Thơ	Đại học	Kỹ thuật nữ công	X			
260	Trần Hồng Thảo	Thạc sĩ	Kỹ thuật nữ công	X	X		
261	Bùi Thị Tuyết Hương	Đại học	Kỹ thuật nữ công	X	X		
262	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Đại học	Công nghệ cắt may	X			
263	Trần Thị Ngọc Thảo	Đại học	KS công nghệ may				
264	Lâm Thị Thanh Minh	Đại học	Công nghệ cắt may	X			
265	Hoàng Văn Thái	Đại học	Công nghệ cắt may	X			
266	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Đại học	Công nghệ thông tin	X			

TT	Họ và tên	Trình độ	Chuyên môn	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học	Ghi chú
267	Nguyễn Thị Kim Dung	Đại học	Tiếng Anh		X		
268	Nguyễn Thị Nhuận	Đại học	Ngữ văn Anh	X	X		
269	Phạm Thị Anh Phương	Thạc sĩ	TESOL	X	X		
270	Lê Ngọc Nhi	Đại học	Tiếng Anh sư phạm	X	X		
271	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Đại học	Ngữ văn Anh				
272	Tổng Ngọc Ngân Hà	Đại học	Tiếng Anh sư phạm	X	X		

Tổng cộng: 272 nhà giáo



